

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1280/2026/DS-ST
Ngày: 25/06/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân
2. Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 06 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1125/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 861/2026/QĐXXST-DS ngày 16/03/2026, Thông báo dời ngày mở phiên Tòa ngày 09/04/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1670/2026/QĐST-DS ngày 04/05/2026, Thông báo dời ngày mở phiên Tòa ngày 28/05/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân S – Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 6, (văn bản ủy quyền lập ngày 07/11/2025).

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Trần Lâm N, sinh năm: 2003

Địa chỉ: A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 17/03/2026), (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 258/23/41 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/06/2025, bản tự khai ngày 25/06/2026 đại diện của nguyên đơn ông Trần Lâm N trình bày:

Ngày 30/11/2022, ông Lê Chí T có ký với Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng) giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo hợp đồng đã ký với hai bên. Ngày 05/08/2024, ông Lê Chí T đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn, tính đến ngày 25/06/2026, ông T còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 3.598.007 đồng. Tổng cộng: 3.598.007 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm lẻ bảy đồng).

Ngày 17/06/2024, ông Lê Chí T có ký với Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng) hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử, số tiền vay: 823.200.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay: ông Lê Chí T giao kết hợp đồng vay vốn bằng hình thức trực tuyến. Ông T đăng nhập vào bằng tài khoản số 0919152172 vào lúc 15/06/2024 09:24:18 để thực hiện giao dịch vay vốn, nhập mã OTP 187269 từ Ứng dụng Smart OTP hoặc từ số điện thoại/email đã đăng ký với Ngân hàng. Thông tin giải ngân: giải ngân vào ngày 17/06/2024 theo mã giao dịch LD2416900972 với nội dung “Giai ngan-LD2416900972-LE CHI THANH LE CHI THANH” tại tài khoản số 178072641 do ông Lê Chí T mở tại Ngân hàng ngày 19/03/2019, thời hạn vay là 60 tháng. Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại hợp đồng cho vay. Ngày 05/01/2025, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo hợp đồng, tính đến ngày 25/06/2026, ông T còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 823.200.000 đồng, lãi quá hạn: 324.485.090 đồng. Tổng cộng: 1.147.685.090 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn không trăm chín mươi đồng).

Do khách hàng trễ hạn trả nợ nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Chí T trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ phải trả là: 1.151.283.097 đồng (một tỷ một trăm năm mươi một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn không trăm chín mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/06/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất các bên thỏa thuận, trong đó đối với thẻ tín dụng là nợ lãi quá hạn: 3.598.007 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm lẻ bảy đồng) và đối với hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm là nợ gốc: 823.200.000 đồng, lãi quá hạn: 324.485.090 đồng. Tổng cộng: 1.147.685.090 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn không trăm chín mươi đồng). Ông Trần Lâm N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Lê Chí T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Chí T. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Bị đơn cung cấp địa chỉ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/10/2022 tại 258/23/41 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Lâm N có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Lê Chí T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo dời ngày mở phiên Tòa nhưng ông Lê Chí T vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP V và ông Lê Chí T được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Tòa án triệu tập ông Lê Chí T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng TMCP V nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[7] Căn cứ Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 30/11/2022 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, bảng tóm tắt sao kê, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Chí T với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch và còn nợ Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 25/06/2026 là 3.598.007 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 3.598.007 đồng và hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2024 với số tiền là 823.200.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được giải ngân thì ông T đã thực

hiện các giao dịch và còn nợ Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 25/06/2026 là nợ gốc: 823.200.000 đồng, lãi quá hạn: 324.485.090 đồng, tổng cộng: 1.147.685.090 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn không trăm chín mươi đồng). Tổng cộng hai khoản vay là 1.151.283.097 đồng (một tỷ một trăm năm mươi một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn không trăm chín mươi bảy đồng).

[8] Ông Lê Chí T đã vi phạm thỏa thuận tại các điều khoản mà hai bên đã giao kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*;

[10] Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

[11] Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”.

[12] Tại Điều 2 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ: *“...Chủ T1 là cả Chủ Thẻ Chính và bất kỳ và tất cả Chủ Thẻ Phụ, chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản cho việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại ... cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có bằng chứng, hóa đơn được ký hay chứng từ khác ...”*.

[13] Tại khoản 9 Điều 1 Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N1 quy định về nguyên tắc sử dụng thẻ: *“2. Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã giao kết với TCPHT.”*.

[14] Đối chiếu các quy định như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền thẻ tín dụng tính đến ngày 25/06/2025 là: 3.598.007 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 3.598.007 đồng.

Và hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2024 tính đến ngày 25/06/2026 là 823.200.000 đồng, lãi quá hạn: 324.485.090 đồng. Tổng cộng: 1.147.685.090 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn không trăm chín mươi đồng), đồng thời bị đơn còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2024 của Ngân hàng cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Áp dụng Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N1;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Lê Chí T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V:

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 30/11/2022 số tiền 3.598.007 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 3.598.007 đồng.

Theo hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2024 số tiền 1.147.685.090 đồng (một tỷ một

trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó nợ gốc: 823.200.000 đồng, lãi quá hạn: 324.485.090 đồng.

Kể từ ngày 26/06/2026, ông Lê Chí T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/06/2024 của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông Lê Chí T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí:

2.1. Ông Lê Chí T chịu 46.538.493 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. H1 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.408.633 đồng (mười chín triệu bốn trăm lẻ tám ngàn sáu trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022245 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu Vực 10;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Lưới

